CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NH VIỆT NAM

Tầng 9, Tòa tháp Đông, Lotte Center Hà Nội
Số 54 Liễu Giai, phường Giảng Võ, Hà Nội
Hotline: 1900.1055 - Website: www.nhsv.vn

DANH MỤC CHỨNG KHOÁN GIAO DỊCH KÝ QUỸ TẠI NHSV

Áp dụng từ ngày ***16/11/2026***

STT	Mã CK	Sàn	Tên công ty	Tỷ lệ cho vay (%)	Tỷ lệ ký quỹ (%)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb	Tỷ lệ tính TSĐB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a)	Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a)	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b)	Giá chặn (Pm)
1	AAA	HOSE	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	40%	60%	80%	80%	80%	0%	80%	0%	12,800
2	ACB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	30,500
3	ACG	HOSE	Công ty Cổ phần Gỗ An Cường	20%	80%	40%	40%	40%	0%	40%	0%	40,700
4	ADS	HOSE	Công ty Cổ phần DAMSAN	10%	90%	20%	20%	8%	0%	8%	0%	9,300
5	AGG	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia	30%	70%	60%	60%	24%	0%	24%	0%	17,500
6	AGR	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán AGRIBANK	50%	50%	100%	100%	40%	0%	40%	0%	18,500
7	ANV	HOSE	Công ty Cổ phần Nam Việt	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	31,800
8	AST	HOSE	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco	30%	70%	60%	60%	60%	0%	60%	0%	71,600
9	BAF	HOSE	Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam	50%	50%	100%	100%	40%	0%	40%	0%	36,000
10	BCM	HOSE	Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP	50%	50%	100%	100%	40%	0%	40%	0%	63,000
11	BFC	HOSE	Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	58,200
12	BIC	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	40%	60%	80%	80%	80%	0%	80%	0%	36,000
13	BID	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	42,300
14	BMP	HOSE	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	162,900
15	BSI	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV	40%	60%	80%	80%	32%	0%	32%	0%	41,900
16	BSR	HOSE	Công ty Cổ phần Lọc Hóa dầu Bình Sơn	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	28,400
17	BVH	HOSE	Tập đoàn Bảo Việt	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	63,800
18	BWE	HOSE	Công ty Cổ phần - Tổng công ty Nước - Môi trường Bình Dương	50%	50%	100%	100%	70%	0%	70%	0%	46,700

STT	Mã CK	Sàn	Tên công ty	Tỷ lệ cho vay (%)	Tỷ lệ ký quỹ (%)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb	Tỷ lệ tính TSĐB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a)	Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a)	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b)	Giá chặn (Pm)
19	CDC	HOSE	Công ty Cổ phần Chương Dương	10%	90%	20%	20%	0%	0%	0%	0%	15,800
20	CHP	HOSE	Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung	40%	60%	80%	80%	56%	0%	56%	0%	31,000
21	CII	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	50%	50%	100%	100%	0%	0%	0%	0%	22,400
22	CLC	HOSE	Công ty Cổ phần Cát Lợi	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%	56,300
23	CLL	HOSE	Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%	34,000
24	CMG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC	50%	50%	100%	100%	70%	0%	70%	0%	35,900
25	CNG	HOSE	Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	40%	60%	80%	80%	80%	0%	80%	0%	27,800
26	CRE	HOSE	Công ty Cổ phần Bất động sản Thế Kỷ	30%	70%	60%	60%	42%	0%	42%	0%	9,900
27	CSM	HOSE	Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	30%	70%	60%	60%	42%	0%	42%	0%	14,000
28	CSV	HOSE	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	33,400
29	CTD	HOSE	Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons	50%	50%	100%	100%	40%	0%	40%	0%	98,400
30	CTF	HOSE	Công ty Cổ phần City Auto	10%	90%	20%	20%	0%	0%	0%	0%	19,100
31	CTG	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	43,500
32	CTI	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	40%	60%	80%	80%	80%	0%	80%	0%	26,000
33	CTR	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	93,200
34	CTS	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietinbank	40%	60%	80%	80%	32%	0%	32%	0%	36,400
35	D2D	HOSE	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	30%	70%	60%	60%	42%	0%	42%	0%	38,000
36	DBC	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	29,100
37	DBD	HOSE	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (BIDIPHAR)	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	59,000
38	DC4	HOSE	Công ty Cổ phần Dicera Holdings	30%	70%	60%	60%	60%	0%	60%	0%	18,200
39	DCL	HOSE	Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	20%	80%	40%	40%	16%	0%	16%	0%	35,100
40	DCM	HOSE	Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Phân bón Dầu Khí Cà Mau	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	52,300
41	DGW	HOSE	Công ty Cổ phần Thế Giới Số	50%	50%	100%	100%	70%	0%	70%	0%	52,100
42	DHA	HOSE	Công ty Cổ phần Hóa An	40%	60%	80%	80%	56%	0%	56%	0%	54,000
43	DHC	HOSE	Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	48,400
44	DHG	HOSE	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	106,300
45	DIG	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	40%	60%	80%	80%	80%	0%	80%	0%	25,200

STT	Mã CK	Sàn	Tên công ty	Tỷ lệ cho vay (%)	Tỷ lệ ký quỹ (%)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb	Tỷ lệ tính TSĐB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a)	Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a)	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b)	Giá chặn (Pm)
46	DMC	HOSE	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	20%	80%	40%	40%	40%	0%	40%	0%	92,300
47	DPG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương	40%	60%	80%	80%	32%	0%	32%	0%	46,500
48	DPM	HOSE	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	50%	50%	100%	100%	70%	0%	100%	0%	29,400
49	DPR	HOSE	Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	49,300
50	DRC	HOSE	Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	50%	50%	100%	100%	70%	0%	70%	0%	17,700
51	DRL	HOSE	Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%	61,300
52	DSC	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC	10%	90%	20%	20%	8%	0%	8%	0%	18,400
53	DSE	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE	40%	60%	80%	80%	32%	0%	32%	0%	26,000
54	DSN	HOSE	Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%	57,200
55	DVP	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	30%	70%	60%	60%	42%	0%	42%	0%	86,000
56	DXG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	40%	60%	80%	80%	56%	0%	80%	0%	18,400
57	DXS	HOSE	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh	30%	70%	60%	60%	42%	0%	42%	0%	10,000
58	E1VFVN30	HOSE	Quỹ ETF DCVFMVN30	50%	50%	100%	100%	0%	0%	0%	0%	32,300
59	EIB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam	50%	50%	100%	100%	70%	0%	100%	0%	25,000
60	ELC	HOSE	Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM	50%	50%	100%	100%	70%	0%	70%	0%	23,000
61	EVF	HOSE	Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện Lực	40%	60%	80%	80%	56%	0%	56%	0%	14,000
62	FCN	HOSE	Công ty Cổ phần FECON	40%	60%	80%	80%	0%	0%	0%	0%	17,000
63	FMC	HOSE	Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	46,600
64	FPT	HOSE	Công ty Cổ phần FPT	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	97,400
65	FRT	HOSE	Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	40%	60%	80%	80%	0%	0%	80%	0%	152,100
66	FTS	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	40%	60%	80%	80%	32%	0%	32%	0%	37,600
67	FUEVFVND	HOSE	Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND	50%	50%	100%	100%	0%	0%	0%	0%	36,500
68	GAS	HOSE	Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	86,200
69	GEE	HOSE	Công ty Cổ phần Điện lực Gelex	30%	70%	60%	60%	60%	0%	60%	0%	138,500
70	GEG	HOSE	Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	40%	60%	80%	80%	56%	0%	56%	0%	16,200
71	GEX	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gelex	50%	50%	100%	100%	70%	0%	100%	0%	44,500
72	GMD	HOSE	Công ty Cổ phần Gemadept	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	81,800
73	GSP	HOSE	Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế	20%	80%	40%	40%	40%	0%	40%	0%	21,200

STT	Mã CK	Sàn	Tên công ty	Tỷ lệ cho vay (%)	Tỷ lệ ký quỹ (%)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb	Tỷ lệ tính TSĐB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a)	Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a)	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b)	Giá chặn (Pm)
74	GVR	HOSE	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	39,700
75	HAG	HOSE	Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	17,500
76	HAH	HOSE	Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	66,000
77	HAX	HOSE	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	10%	90%	20%	20%	8%	0%	8%	0%	11,700
78	HCM	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	50%	50%	100%	100%	70%	0%	100%	0%	30,200
79	HDB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát Triển Thành phố Hồ Chí Minh	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	25,000
80	HDC	HOSE	Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Bà Rịa Vũng Tàu	50%	50%	100%	100%	0%	0%	0%	0%	19,000
81	HDG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	29,100
82	HHP	HOSE	Công ty Cổ phần HHP Global	10%	90%	20%	20%	0%	0%	0%	0%	12,300
83	HHS	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	40%	60%	80%	80%	56%	0%	56%	0%	16,500
84	HHV	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	50%	50%	100%	100%	70%	0%	70%	0%	14,100
85	HPG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	32,300
86	HPX	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Phát	10%	90%	20%	20%	8%	0%	8%	0%	7,000
87	HSG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	50%	50%	100%	100%	70%	0%	70%	0%	17,600
88	HT1	HOSE	Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Hà Tiên	30%	70%	60%	60%	60%	0%	60%	0%	15,900
89	HTG	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%	56,000
90	IDI	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I	20%	80%	40%	40%	16%	0%	16%	0%	7,600
91	IJC	HOSE	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	50%	50%	100%	100%	70%	0%	70%	0%	19,500
92	ILB	HOSE	Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%	28,500
93	IMP	HOSE	Công ty Cổ phần Dược phẩm IMEXPHARM	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	52,200
94	ITC	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh nhà	20%	80%	40%	40%	28%	0%	28%	0%	13,800
95	KBC	HOSE	Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc	50%	50%	100%	100%	40%	0%	100%	0%	35,000
96	KDC	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO	50%	50%	100%	100%	70%	0%	70%	0%	60,000
97	KDH	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền	50%	50%	100%	100%	70%	0%	100%	0%	30,900
98	KHG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Khải Hoàn Land	20%	80%	40%	40%	0%	0%	0%	0%	7,100

STT	Mã CK	Sàn	Tên công ty	Tỷ lệ cho vay (%)	Tỷ lệ ký quỹ (%)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb	Tỷ lệ tính TSĐB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a)	Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a)	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b)	Giá chặn (Pm)
99	KHP	HOSE	Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%	14,100
100	KSB	HOSE	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	40%	60%	80%	80%	56%	0%	56%	0%	18,300
101	LBM	HOSE	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng	20%	80%	40%	40%	40%	0%	40%	0%	37,600
102	LCG	HOSE	Công ty Cổ phần Lizen	40%	60%	80%	80%	56%	0%	56%	0%	13,100
103	LHG	HOSE	Công ty Cổ phần Long Hậu	30%	70%	60%	60%	42%	0%	42%	0%	39,000
104	LIX	HOSE	Công ty Cổ phần Bột Giặt LIX	40%	60%	80%	80%	80%	0%	80%	0%	34,400
105	LPB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lộc Phát Việt Nam	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	45,000
106	LSS	HOSE	Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	20%	80%	40%	40%	16%	0%	16%	0%	18,000
107	MBB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	34,700
108	MCH	HOSE	Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng MaSan	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	135,000
109	MCM	HOSE	Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu	30%	70%	60%	60%	60%	0%	60%	0%	35,900
110	MIG	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội	40%	60%	80%	80%	80%	0%	80%	0%	20,600
111	MSB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	16,500
112	MSH	HOSE	Công ty Cổ phần May Sông Hồng	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	42,300
113	MSN	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	91,900
114	MWG	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	88,300
115	NAB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á	50%	50%	100%	100%	70%	0%	70%	0%	17,000
116	NAF	HOSE	Công ty Cổ phần Nafoods Group	40%	60%	80%	80%	32%	0%	32%	0%	
117	NCT	HOSE	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	30%	70%	60%	60%	60%	0%	60%	0%	135,900
118	NHH	HOSE	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	20%	80%	40%	40%	40%	0%	40%	0%	18,400
119	NKG	HOSE	Công ty Cổ phần Thép Nam Kim	40%	60%	80%	80%	56%	0%	56%	0%	15,900
120	NLG	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long	50%	50%	100%	100%	70%	0%	100%	0%	39,400
121	NNC	HOSE	Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%	61,700
122	NT2	HOSE	Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	31,000
123	NTL	HOSE	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm	50%	50%	100%	100%	40%	0%	40%	0%	18,200
124	NVL	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	30%	70%	60%	60%	24%	0%	60%	0%	15,500
125	OCB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	14,800
126	OPC	HOSE	Công ty Cổ phần Dược Phẩm OPC	20%	80%	40%	40%	40%	0%	40%	0%	27,300

STT	Mã CK	Sàn	Tên công ty	Tỷ lệ cho vay (%)	Tỷ lệ ký quỹ (%)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb	Tỷ lệ tính TSĐB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a)	Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a)	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b)	Giá chặn (Pm)
127	ORS	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong	30%	70%	60%	60%	24%	0%	24%	0%	12,500
128	PAC	HOSE	Công ty Cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam	30%	70%	60%	60%	42%	0%	42%	0%	27,200
129	PAN	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	63,700
130	PDN	HOSE	Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	20%	80%	40%	40%	40%	0%	40%	0%	110,000
131	PDR	HOSE	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	40%	60%	80%	80%	32%	0%	80%	0%	28,000
132	PET	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	40%	60%	80%	80%	0%	0%	0%	0%	38,100
133	PGI	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%	29,500
134	PHR	HOSE	Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	72,600
135	PLX	HOSE	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	45,900
136	POW	HOSE	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	50%	50%	100%	100%	70%	0%	100%	0%	14,300
137	PPC	HOSE	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	30%	70%	60%	60%	60%	0%	60%	0%	11,700
138	PTB	HOSE	Công ty Cổ phần Phú Tài	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	62,900
139	PVD	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	36,200
140	PVP	HOSE	Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	40%	60%	80%	80%	80%	0%	80%	0%	29,800
141	PVT	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	35,200
142	RAL	HOSE	Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%	139,200
143	REE	HOSE	Công ty Cổ phần Cơ điện Lạnh	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	76,400
144	SAB	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	54,300
145	SAM	HOSE	Công ty Cổ phần SAM Holdings	10%	90%	20%	20%	8%	0%	8%	0%	8,100
146	SBA	HOSE	Công ty Cổ phần Sông Ba	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%	29,900
147	SBT	HOSE	Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	50%	50%	100%	100%	0%	0%	0%	0%	25,000
148	SCR	HOSE	Công ty Cổ phần Địa Ốc Sài Gòn Thương Tín	30%	70%	60%	60%	24%	0%	24%	0%	8,300
149	SCS	HOSE	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	75,500
150	SGN	HOSE	Công ty Cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn	20%	80%	40%	40%	40%	0%	40%	0%	68,100
151	SHB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	16,000
152	SHI	HOSE	Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	10%	90%	20%	20%	0%	0%	0%	0%	11,000
153	SHP	HOSE	Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%	36,500

STT	Mã CK	Sàn	Tên công ty	Tỷ lệ cho vay (%)	Tỷ lệ ký quỹ (%)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb	Tỷ lệ tính TSĐB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a)	Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a)	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b)	Giá chặn (Pm)
154	SIP	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG	50%	50%	100%	100%	70%	0%	70%	0%	71,800
155	SJD	HOSE	Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	30%	70%	60%	60%	42%	0%	42%	0%	26,500
156	SJS	HOSE	Công ty Cổ phần SJ Group	30%	70%	60%	60%	42%	0%	42%	0%	52,000
157	SKG	HOSE	Công ty Cổ phần Tàu Cao tốc Superdong - Kiên Giang	40%	60%	80%	80%	56%	0%	56%	0%	16,600
158	SMB	HOSE	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	20%	80%	40%	40%	40%	0%	40%	0%	42,300
159	SSB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	18,400
160	SSI	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	32,800
161	STB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	65,000
162	SZC	HOSE	Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	50%	50%	100%	100%	70%	0%	70%	0%	34,700
163	SZL	HOSE	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	20%	80%	40%	40%	28%	0%	28%	0%	56,900
164	TCB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	40,100
165	TCH	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	25,200
166	TCI	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công	10%	90%	20%	20%	0%	0%	0%	0%	10,500
167	TCL	HOSE	Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	30%	70%	60%	60%	60%	0%	60%	0%	73,500
168	TCM	HOSE	Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	29,000
169	TCX	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương	50%	50%	100%	100%	70%	0%	70%	0%	60,500
170	TDC	HOSE	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	30%	70%	60%	60%	24%	0%	24%	0%	12,300
171	TDM	HOSE	Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một	40%	60%	80%	80%	56%	0%	56%	0%	57,000
172	THG	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	40%	60%	80%	80%	56%	0%	56%	0%	62,500
173	TIP	HOSE	Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa	30%	70%	60%	60%	42%	0%	42%	0%	29,100
174	TLG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	54,000
175	TMS	HOSE	Công ty Cổ phần Transimex	10%	90%	20%	20%	20%	0%	20%	0%	41,200
176	TPB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	23,000
177	TRA	HOSE	Công ty Cổ phần Traphaco	20%	80%	40%	40%	40%	0%	40%	0%	96,000
178	TRC	HOSE	Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh	40%	60%	80%	80%	56%	0%	56%	0%	121,300

STT	Mã CK	Sàn	Tên công ty	Tỷ lệ cho vay (%)	Tỷ lệ ký quỹ (%)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb	Tỷ lệ tính TSĐB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a)	Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a)	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b)	Giá chặn (Pm)
179	TTA	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành	30%	70%	60%	60%	42%	0%	42%	0%	15,200
180	TV2	HOSE	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	40%	60%	80%	80%	80%	0%	80%	0%	37,900
181	TVS	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%	19,100
182	VAB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á	40%	60%	80%	80%	56%	0%	56%	0%	15,800
183	VCB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	73,200
184	VCG	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	50%	50%	100%	100%	70%	0%	100%	0%	26,000
185	VCI	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap	50%	50%	100%	100%	70%	0%	100%	0%	38,000
186	VCK	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng Khoán VPS	50%	50%	100%	100%	70%	0%	70%	0%	35,000
187	VDS	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	40%	60%	80%	80%	56%	0%	56%	0%	19,000
188	VFG	HOSE	Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam	40%	60%	80%	80%	56%	0%	56%	0%	74,800
189	VGC	HOSE	Tổng Công ty Viglacera - Công ty Cổ phần	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	51,200
190	VHC	HOSE	Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	89,500
191	VHM	HOSE	Công ty Cổ phần Vinhomes	40%	60%	80%	80%	80%	0%	80%	0%	104,000
192	VIB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	22,600
193	VIC	HOSE	Tập đoàn Vingroup - Công ty CP	40%	60%	80%	80%	56%	0%	80%	0%	73,500
194	VIP	HOSE	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	40%	60%	80%	80%	56%	0%	56%	0%	16,700
195	VIX	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	30,000
196	VJC	HOSE	Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	40%	60%	80%	80%	56%	0%	80%	0%	123,800
197	VND	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	50%	50%	100%	100%	70%	0%	100%	0%	20,300
198	VNM	HOSE	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	71,500
199	VPB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	35%	65%	70%	70%	100%	0%	100%	0%	31,400
200	VPD	HOSE	Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%	26,900
201	VPI	HOSE	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Văn Phú	40%	60%	80%	80%	32%	0%	80%	0%	50,000
202	VPL	HOSE	Công ty Cổ phần Vinpearl	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	80,000
203	VPX	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank	50%	50%	100%	100%	70%	0%	70%	0%	30,000
204	VRE	HOSE	Công ty Cổ phần Vincom Retail	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	33,000
205	VSC	HOSE	Công ty Cổ phần Container Việt Nam	50%	50%	100%	100%	70%	0%	70%	0%	23,900

STT	Mã CK	Sàn	Tên công ty	Tỷ lệ cho vay (%)	Tỷ lệ ký quỹ (%)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb	Tỷ lệ tính TSĐB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a)	Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a)	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b)	Giá chặn (Pm)
206	VTP	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	50%	50%	100%	100%	70%	0%	70%	0%	108,100
207	YEG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1	40%	60%	80%	80%	56%	0%	56%	0%	14,300
208	BAB	HNX	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%	13,100
209	BVS	HNX	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	50%	50%	100%	100%	40%	0%	40%	0%	35,200
210	CAP	HNX	Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Yên Bái	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%	47,800
211	CEO	HNX	Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O	40%	60%	80%	80%	80%	0%	80%	0%	22,000
212	DHT	HNX	Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây	30%	70%	60%	60%	60%	0%	60%	0%	54,000
213	DP3	HNX	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương 3	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%	66,600
214	DTD	HNX	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt	40%	60%	80%	80%	56%	0%	56%	0%	20,000
215	DXP	HNX	Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá	20%	80%	40%	40%	28%	0%	28%	0%	25,800
216	HGM	HNX	Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%	201,500
217	HUT	HNX	Công ty Cổ phần Tasco	40%	60%	80%	80%	32%	0%	32%	0%	17,000
218	HVT	HNX	Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	30%	70%	60%	60%	60%	0%	60%	0%	37,400
219	IDC	HNX	Tổng Công ty IDICO - CTCP	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	51,300
220	IDV	HNX	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc	10%	90%	20%	20%	8%	0%	8%	0%	26,700
221	INN	HNX	Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp	10%	90%	20%	20%	20%	0%	20%	0%	77,900
222	KSV	HNX	Tổng Công ty Khoáng sản TKV - Công ty Cổ phần	20%	80%	40%	40%	40%	0%	40%	0%	160,600
223	LAS	HNX	Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	40%	60%	80%	80%	56%	0%	56%	0%	20,400
224	LHC	HNX	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng	20%	80%	40%	40%	40%	0%	40%	0%	94,700
225	MBS	HNX	Công ty Cổ phần Chứng khoán MB	50%	50%	100%	100%	40%	0%	40%	0%	30,600
226	NDN	HNX	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng	10%	90%	20%	20%	8%	0%	8%	0%	13,700
227	NTP	HNX	Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	67,000
228	PGS	HNX	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	10%	90%	20%	20%	20%	0%	20%	0%	48,000
229	PLC	HNX	Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - Công ty Cổ phần	40%	60%	80%	80%	32%	0%	32%	0%	29,100
230	PMC	HNX	Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%	142,900
231	PVC	HNX	Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - Công ty Cổ phần	30%	70%	60%	60%	24%	0%	24%	0%	18,100

STT	Mã CK	Sàn	Tên công ty	Tỷ lệ cho vay (%)	Tỷ lệ ký quỹ (%)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb	Tỷ lệ tính TSĐB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a)	Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b)	Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a)	Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b)	Giá chặn (Pm)
232	PVI	HNX	Công ty Cổ phần PVI	50%	50%	100%	100%	70%	0%	70%	0%	82,800
233	PVS	HNX	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	47,500
234	S99	HNX	Công ty Cổ phần SCI	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%	9,300
235	SHS	HNX	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	50%	50%	100%	100%	70%	0%	100%	0%	20,500
236	SLS	HNX	Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La	20%	80%	40%	40%	40%	0%	40%	0%	186,300
237	SZB	HNX	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	10%	90%	20%	20%	14%	0%	14%	0%	45,200
238	TNG	HNX	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG	50%	50%	100%	100%	70%	0%	70%	0%	25,000
239	VC3	HNX	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông	40%	60%	80%	80%	56%	0%	56%	0%	20,000
240	VCS	HNX	Công ty Cổ phần VICOSTONE	50%	50%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	58,000
241	VFS	HNX	Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	30%	70%	60%	60%	0%	0%	0%	0%	18,700
242	VGS	HNX	Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE	40%	60%	80%	80%	80%	0%	80%	0%	33,500
243	VNR	HNX	Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	20%	80%	40%	40%	40%	0%	40%	0%	28,000
244	VTZ	HNX	Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành	20%	80%	40%	40%	0%	0%	0%	0%	18,700